PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này có hai:

1. Luận nói công đức thắng lực, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương thị hiện, đây là nói Tịnh Tạng, Tịnh Nhẫn trì Kinh Pháp Hoa nhân, viên đạo hiển, công đức thắng lực dẫn dắt vua cha hồi tà kiến được thọ ký đương lai thành Phật, đây đều do lực công đức của Kinh Pháp Hoa, nói duyên xưa kia lợi ích thời hội nên có phẩm này.

2. Trước phẩm Diệu Âm nêu rõ Hoa Đức Bồ-tát thưa hỏi Diệu Âm sở đắc Tam-muội, nhân đây tự đắc Pháp Hoa Tam-muội, nay Diệu Trang Nghiêm Vương tức là Hoa Đức, chưa đắc Tam-muội, trở về trước làm Diệu Trang Nghiêm vốn chấp tà kiến. Nay nói hai con khuyên nói vua cha làm thiện tri thức không phân biệt oán thân, để chỉ bày cho mọi người khiến mở mang kinh này, cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Vua thế tục quý châu báu dùng để tô điểm dung mạo, bỏ tà về chánh, thắng pháp bảo mà làm thể của ngọc cho nên gọi là Diệu Trang Nghiêm vương, do nhân duyên đời trước nên gọi là bổn sự.

III. Giải đáp các vấn nạn:

Hỏi: Phẩm này chính là nói Tịnh Tạng Tịnh Nhãn làm thiện tri thức, vì sao không lấy đó đặt tên phẩm?

Đáp: Do công đức thì thắng bỏ tà về chánh chính là thân vua Diệu Trang Nghiêm, chẳng phải hai người con, tuy là bạn lành của cha nhờ công đức ấy mà thân nhập chánh, lại trước Hoa Đức tức là Diệu Trang Nghiêm, muốn hợp thân kia nên lấy đặt tên, lại Tịnh tạng Tịnh Nhãn tức Dược vương Dược Thượng, trước đã nêu rõ Dược vương, sợ đề danh lạm nên không nói.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến Kiếp tên Hỷ Kiến".
- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1. Trình bày bổn duyên.
2. Hợp xưa nay.
3. Khuyên người qui lễ.
4. Kết thành chúng lợi ích.

Văn đầu lại có bốn: 1. Trình bày thời. 2. Nêu Phật. 3. Nêu Bồ-tát

cha con. 4. Nói rộng lên lý do. Đây là hai phần nêu thời và Phật.

- Kinh: "Trong pháp hội của Phật cho đến hai tên là Tịnh Nhãn".

- Tán: Nêu Bồ-tát cha con.

- Kinh: "hai người con đó cho đến cũng đều thấu suốt".

- Tán: Rộng nêu rõ lý do có bốn:

1. Khen ngợi đức của hai con.

2. Nêu thời Phật nói pháp.

3. "Lúc bấy giờ Tịnh Tạng Tịnh Nhãn" cho đến nêu hai con giáo hóa cha.

4. "Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước giao cho em" cho đến xuất gia thu hoạch lợi ích.

Đây là phần đầu, chia làm ba: 1. Nêu thành phước trì. 2. Riêng nêu bốn đức. 3. Nêu bảy định. bốn đức: 1. Lục độ. 2. Phương tiện khéo léo có mười hai: Bi tâm, cố luyến, hiểu biết các hành, ưa diệu trí Phật, thường ở trong sanh tử, luân hồi không nhiễm, tinh tấn mạnh mẽ, sáu thứ này là bên trong. Khiến dùng ít thiện cảm quả vô lượng, khiến dùng chút sức nhiếp đại gốc lành, người ghét Thánh giáo thì trừ nhuế não người, trú ở giữa đó khiến kia hướng vào, đã vào rồi khiến cho thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát, sáu thứ này là ngoài. 3. Tứ vô lượng. 4. Ba mươi bảy đạo phẩm. Trong các Tam-muội tịnh là đoạn chướng chứng chân. Nhật tinh tú: là mặt trời rộng lớn phá như các ngôi sao phá tan sự tối tăm, cho nên Tịnh quang là phát ra ánh sáng lớn, Tịnh sắc là hiện các sắc mầu nhiệm, Tịnh Chiếu Minh là chiếu sáng Phật pháp, Trường trang nghiêm là chứng đắc công đức không khô héo, Đại uy đức là khởi thần thông.

Lúc ấy Đức Phật kia... nói kinh Pháp Hoa này.

- Tán: Nói về Phật đương thời nói pháp.

- Kinh: "Bấy giờ Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn cho đến nên nghe và tin nhận".

- Tán: Hai con giáo hóa vua cha có năm:

1. Thưa mẹ đến chỗ Phật.

2. Mẹ sai con giáo hóa cha.

3. Theo lời dạy hành hóa.

4. "Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang nghiêm vương có tám muôn bốn ngàn người" cho đến tín tâm qui y Phật.

5. "Lúc đó Đức Phật kia nói pháp cho vua nghe" Đức Phật ứng dẫn dắt lợi ích. Đây là phần đầu có hai: Nêu và giải thích.

- Kinh: "Mẹ liền bảo con rằng" cho đến cùng nhau đồng đi".

- Tán: Mẹ khiến con giáo hóa cha.

- Kinh: "Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn cho đến sanh vào nhà tà kiến này".

- Tán: Theo lời dạy thực hành giáo hóa có chín:

1. Hai con hận sanh.
2. Mẹ khiến nhớ đến cha.
3. Thuận lời liền hóa.
4. Cha thấy vui mừng hỏi.
5. Hai con đều đáp.
6. Cha trình bày muốn đến.
7. Báo mẹ thỉnh xuất gia.
8. Mẹ liền hứa.
9. Thưa cha mẹ đến chỗ Phật. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Mẹ bảo con rằng cho đến qua đến chỗ Phật".

- Tán: Mẹ khiến nghĩ đến cha.

- Kinh: "Lúc ấy hai người con cho đến tâm thanh tịnh tin hiểu".

- Tán: Thứ ba, là thuận theo lời nói hành giáo hóa. Trước nêu kế giải thích sau là kết.

- Kinh: "Bấy giờ cha thấy con cho đến con là đệ tử"

- Tán: Cha thấy vui mừng hỏi và hai con đều đáp.

- Kinh: "Cha nói với con rằng cho đến xin cho chúng con xuất gia".

- Tán: Cha trình bày muốn đến. Thưa mẹ xin xuất gia. Thưa mẹ xin xuất gia có hai: Trước nói cha tín tâm, sau xin mẹ xuất gia. Xuất gia rộng lớn dụ hư không. Như Khế Kinh nói: Chim công tuy có màu sắc tô điểm thân mình không bằng hồng hạc năng bay xa, người tại gia tuy có sức giàu sang mà không bằng công đức xuất gia thù thắng. Kinh Thập Luân nói: Hoa Chiêm bác ca tuy héo còn hơn các hoa tươi tinh kiết, các Tỳ-kheo phá giới hành vi ác còn hơn các ngoại đạo tinh tấn, do đó hai con thỉnh xin mẹ cho xuất gia.

- Kinh: "Mẹ liền bảo con rằng cho đến thời gặp Phật cũng khó".

- Tán: Mẹ liền chấp nhận. Bạch song thân đến chỗ Phật, có ba: Trước nêu thỉnh, kế là giải thích thỉnh, sau kết thỉnh.

- Kinh: "Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm cho đến ưa mến Phật pháp".

- Tán: Phần Trong con giáo hóa cha thứ tư. Tín tâm qui y Phật có ba: Trước nêu đạo khí kham thành, tiếp hai con khéo hóa, sau mọi người đến chỗ Phật. Đây là hai phần đầu. Trong đạo khí thành có bốn: 1. Hậu

cung. 2. Tịnh Nhãn. 3. Tịnh Tạng. 4. Phu nhân.

- Kinh: "Bây giờ, vua Diệu Trang Nghiêm vương cho đến đứng qua một bên".

- Tán: Đây mọi người đến chỗ Phật.

- Kinh: "Lúc đó Đức Phật kia cho đến phát ra ánh sáng".

- Tán: Hai con giáo hóa cha và Phật nên dẫn dắt lợi ích có bốn:

1. Phật khéo nói pháp.
2. Vua mở chuỗi chơn châu cúng thí.
3. Vua nghĩ sắc thân Phật.
4. Đức Phật hỏi thọ ký thành.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ vua Diệu Trang Nghiêm cho đến công đức như thế".

- Tán: Vua nghĩ sắc thân Phật và Phật hỏi thọ ký thành. Trong Phật hỏi thọ ký thành, gồm hỏi và thọ ký. Trong thọ ký có sáu:

1. Nhân.
2. Thể.
3. Nước.
4. Kiếp.
5. Chúng.
6. Cõi.

- Kinh: "Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước cho đến trang nghiêm Tam-muội".

- Tán: Đây rộng nêu lý do, thứ tư xuất gia được lợi ích có sáu:

1. Xuất gia.
2. Tu hành đắc định.
3. Bay lên hư không bạch Phật.
4. Khen ngợi ấn rộng trình bày.
5. Từ hư không xuống tán nguyện.
6. Nói rồi lạy Phật mà ra.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Liền bay lên hư không cho đến đến sanh vào nhà con".

- Tán: Bay lên hư không bạch Phật có ba: Trước bay lên hư không, tiếp chánh bạch, sau kết khen ngợi.

- Kinh: "Lúc đó đức Vân lôi Âm vương cho đến được gặp thiện tri thức".

- Tán: Khen ngợi ấn rộng trình bày có ba: Trước nêu nhân xưa mới gặp bạn lành, tiếp giải thích nghĩa bạn lành lợi ích, sau nêu nhân hai con

là bạn lành. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Vị thiện tri thức cho đến tâm chánh đẳng giác".

- Tán: Đây giải thích nghĩa bạn lành lợi ích có hai: Trước nêu chỉ dạy cho lợi ích vui mừng khiến chứng quả đại Bồ-đề, sau hiển khiến được thấy Phật nhân phát Bồ-đề tâm. Kinh Thiện giới và Bồ-tát Địa nói: Thân gần bạn lành là giới không thiếu khuyết, học rộng tu chứng, ai mẫn, vô úy, kham nhẫn, không lười mỏi, nguyện, ngôn từ biện rõ, gọi là tướng bạn lành, cầu thí lợi lạc ở đây chánh tri, có lực, thiện quyền, nhiêu ích, không xả, đại bi không bè phái, gọi là bạn lành, tạo tác không luống dối, oai nghi viên mãn ngôn hành thuần hậu, không biếng nhác, không ganh ghét, tiết kiệm, tùy xả, can gián, khen ngợi, khiến nhớ, giáo thọ, giáo giới năng vì nói pháp, đó gọi là bạn lành. Có thể làm chổ nương tin, có bệnh không bệnh ái kính, cung cấp, phụng dưỡng, thăm hỏi, nghinh lễ, tu hòa kính nghiệp, bốn việc đầy đủ vật không thiếu, ứng thời, cẩn kính thừa sự vấn hỏi lắng nghe không động gọi là gần gũi. Kinh Niết-bàn chép: Thiện tri thức nghĩa là Phật, Bồ-tát, Bích Chi Phật, Thanh-văn trú trong loài người. Kinh Phương Đẳng nói: Vì sao gọi là Thiện tri thức ư? Vì thiện tri thức năng dạy mọi người xa lìa mười ác tu hành mười thiện nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa Thiện tri thức như pháp mà nói, như lời nói mà tu hành. Vì sao gọi là như pháp mà nói, như lời nói mà tu hành? Vì tự mình không sát sanh dạy người không sát sanh, cho đến tự hành chánh kiến dạy người hành chánh kiến, nếu có thể như vậy thì được gọi là thiện tri thức. Người thiện nam! Trăng giữa hư không từ đầu tháng ngày một đến ngày mười lăm dần dần thêm lớn, thiện tri thức cũng giống như vậy khiến người học đạo xa dần ác pháp thêm lớn thiện pháp.

Theo Kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát có mười hạng thiện tri thức. Những gì là mười: 1. Năng khiến an trú tâm Bồ-đề. 2. Năng khiến tu tập gốc lành. 3. Năng khiến rốt ráo các Ba-la-mật. 4. Năng khiến phân biệt giải nói tất cả pháp. 5. Năng khiến an trú thành tựu tất cả chúng sanh. 6. Năng khiến đầy đủ biện tài hỏi năng đáp. 7. Năng khiến không đắm trong tất cả sanh tử. 8. Năng khiến ở trong tất cả kiếp hành Bồ-tát hạnh tâm không biếng nhác. 9. Năng khiến an trú hạnh Phổ Hiền. 10. Năng khiến thâm nhập trí Phật. Lại thiện tri thức là cha mẹ lớn lên tất cả gốc lành cho ta, lại là vị thuốc hay cứu trị các bệnh, lại làm mắt sáng dắt đường cho chúng ta, lại làm nhật nguyệt khai chiếu mở đường chánh giác ra đời, cho đến nói rộng. Thiện tri thức ấy phạm hạnh hoàn toàn giáo hóa khiến ta thấy Phật gọi là đại duyên, khiến phát vô thượng đại

Bồ-đề tâm gọi là đại nhân, do nhân duyên đây khiến chứng Quả Phật gọi là thành Phật sự.

- Kinh: "Đại vương! Ông thấy hai người con này chăng cho đến làm cho trú trong chánh kiến".

- Tán: Đây nêu rõ nhân hai con làm bạn lành.

- Kinh: "Vua Diệu Trang Nghiêm cho đến như quả tần bà".

- Tán: Từ hư không xuống tán nguyện có hai: Trước khen ngợi năm đức, sau phát sáu nguyện. Đây là phần đầu. Quả tần bà màu sắc đỏ lại ướt nên lấy làm dụ.

- Kinh: "Bấy giờ vua Diệu Trang Nghiêm vương cho đến chẳng sanh tâm ác".

- Tán: Dưới phát sáu nguyện: Trước nêu khen ngợi Phật pháp, sau riêng phát sáu nguyện. Hoặc giáo hoặc giới hành các nơi chốn, thảy đền an ổn, chúng sanh lìa ác mà nhiếp thiện.

- Kinh: "Vua thưa lời đó rồi lạy Phật mà lui".

- Tán: Nói rồi mà lui ra.

- Kinh: "Phật bảo Đại chúng cho đến Bồ-tát"

- Tán: Đoạn thứ hai, hợp xưa nay.

- Kinh: "Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát đây cho đến cũng nên lễ lạy".

- Tán: Đoạn thứ ba khuyên người qui lễ, gồm khen ngợi và khuyên.

- Kinh: "Lúc Phật nói phẩm này cho đến đắc pháp nhãn tịnh".

- Tán: Đoạn thứ tư kết thành thắng ích. Đối Pháp Quyển chín chép: Đạo Vô gián năng lìa trần, đạo giải thoát năng lìa cấu, do hai thứ đầy đủ nên gọi là đắc pháp nhãn tịnh chứng sơ quả.